

Bản án số: 73/2017/HNGĐ-ST

Ngày 29/9/2017

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG – TỈNH BẮC GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngữ

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Đô.

Ông Nguyễn Quang Vinh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Thủy – Thư ký TAND huyện Lạng Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 302/2017/TLST-HNGĐ ngày 12/9/2017 về vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Hà Thị L, sinh năm: 1978 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn P, sinh năm: 1964 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn H, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hà Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn P năm 2009 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2010 đến nay, cắt đứt liên lạc và tình cảm, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện công việc ở xa, chị xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

* Anh Nguyễn Văn P là bị đơn trong vụ án trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận lời khai của chị L về điều kiện, thời gian kết hôn là đúng. Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 01 năm thì chị L có nói với anh là muốn đi xuất khẩu lao động tại Malaysia nhưng anh và gia đình anh không đồng ý. Mặc dù vậy nhưng chị L vẫn làm thủ tục đi lao động tại Malaysia vào tháng 11/2010. Từ khi chị L đi lao động ở Malaysia cho đến khi về nước thì chị L không về nhà anh mà về nhà bố mẹ để sinh sống, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau nữa. Anh Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị L xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng anh không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện công việc, anh xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đọc thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn là chị Hà Thị L, bị đơn là anh Nguyễn Văn P vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt chị L, anh P.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hà Thị L và anh Nguyễn Văn P kết hôn với nhau năm 2009 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp theo các Điều 9, 10, 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Quá trình chung sống của vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau. Vợ chồng cắt đứt liên lạc, sống ly thân từ năm 2010 đến nay, chị L xin ly hôn anh P đồng ý.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh P không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của chị L là chính đáng, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

Về con chung: Chị L và anh P không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Cả chị L và anh P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. *Về án phí:* Chị Hà Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn P.

[2]. Về án phí: Chị Hà Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0004023 ngày 12/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Chị Hà Thị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Văn Ngừ